

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 916/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2020

V/v: tranh chấp ly hôn giữa
bà P và ông L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hà

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/HNST ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXX- HN ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2020/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 125/2020/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1986

Thường trú : Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Định (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1987

Thường trú: Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: Đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2020 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Đặng Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/6/2012 và được Ủy ban nhân dân phường D cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 77, quyền số: 01/2012. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình tình không hòa hợp, hạnh phúc gia đình không đạt được như mong muốn. Tháng 3/2018 bà đã đưa con về quê tại xã B, huyện C, tỉnh Bình Định sinh sống đến nay. Từ năm 2018 bà và ông L đã ly thân, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung tên Đặng Thị Minh N, sinh ngày 30/10/2012. Bà yêu cầu nuôi dưỡng trẻ N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P tự khai không có.

Tòa án đã tiến hành xác minh; tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập lấy lời khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho ông L đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với L; bà P được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Đặng Thị Minh N, sinh ngày 30/10/2012 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đặng Văn L để tham gia xét xử, nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này; thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về

phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Đặng Văn L.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Thị Minh N, sinh ngày 30/10/2012 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông L cho đến khi bà P có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P xác định không có nên không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P xin ly hôn bị đơn ông Đặng Văn L đang cư ngụ tại địa chỉ số: 448/37/17 Phan Huy Ích, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Đặng Văn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 10/8/2020, bà P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc đột xuất của gia đình không thể tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 77 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà P và ông L ngày 06

tháng 6 năm 2012, xác định hôn nhân của bà P và ông L là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại bản tự khai ngày 13/02/2020, bà P yêu cầu ly hôn với ông L vì bà cho rằng hạnh phúc gia đình phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình tình giữa bà và ông L không hòa hợp. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó bà P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 13/02/2020 của bà P và kết quả xác minh ngày 14/02/2020 của Tòa án quận Gò Vấp ; Ủy ban nhân dân và Hội Phụ nữ Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bà P và ông L chung sống phát sinh mâu thuẫn tại địa chỉ đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, thì được biết: “ Bà P và ông L không còn chung sống với nhau. Bà P đã cùng con gái về quê sinh sống hơn 2 năm nay và mâu thuẫn giữa 2 người theo đơn trình bày của bà P Hội phụ nữ không có thông tin gì thêm”.

Căn cứ vào bản tường trình quá trình sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 13/02/2020 của bà P thì bà P và ông L từ tháng 3 năm 2018 bà P đưa con về quê không còn sống chung với ông L nữa và hai người ly thân từ đó cho đến nay.

Xét thấy bà P kiên quyết ly hôn, ông L không đến Tòa án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ ông L không có những hành động, biện pháp để thuyết phục bà P để hàn gắn tình cảm gia đình. Việc tồn tại hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm yêu thương, gần gũi, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, trong khi quan hệ vợ chồng đã rơi vào tình trạng đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng có vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...” Nên yêu cầu xin ly hôn của bà P là có căn cứ, được chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu của bà P về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đặng Thị Minh N, sinh ngày 30/10/2012. Bà P yêu cầu nuôi dưỡng trẻ N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của bà P, đồng thời căn cứ vào giấy khai sinh số:194/2012, quyển số: 01/2012 ngày 14/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Định xác định ông L và bà P có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 30/10/2012. Bà P có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện nuôi con của bà P : Căn cứ quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 60/2020/QĐ-CCTLCC ngày 13/02/2020, bà P đã cung cấp chứng cứ

cho Tòa án: Giấy xác nhận lương ngày 18/02/2020 do Công ty TNHH G ký . Hiện bà P đang làm công nhân tại Công ty TNHH với mức lương 4.000.000 đồng chứng tỏ bà P có việc làm và thu nhập ổn định để nuôi dưỡng trẻ N.

Bà P hiện có chỗ ở hợp pháp tại nhà của ông nội tên Phan L tại địa chỉ Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số số Ch05364 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Định cấp cho ông L ngày 07/11/2014.

Căn cứ vào bản tự khai ngày 13/02/2020 của trẻ N mong muốn được ở với bà P. Ngoài ra, xét về độ tuổi của trẻ N vẫn còn nhỏ; là bé gái nên trẻ cần sự chăm sóc, quan tâm của người mẹ hơn vì người phụ nữ chăm sóc con vẫn chu đáo hơn người đàn ông.

Căn cứ vào quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 62/2020/QĐ-CCTLCC ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xác minh về việc bà P nuôi dưỡng trẻ N tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Định. Ngày 27/3/2020, Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Định cung cấp cho Tòa án công văn số 40/UBND ngày 13/3/2020 xác định hiện trẻ N được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và sức khỏe tâm lý trẻ N phát triển ổn định.

Từ những phân tích trên, xét một cách toàn diện thì Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao trẻ N cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với các quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 13/02/2020 bà P không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi trẻ N.

Do bà P không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L, cho đến khi bà P có yêu cầu.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung:

Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 13/02/2020 bà P tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông L không đến Tòa án để Tòa án ghi lời khai về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Sau này nếu ông L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, ông L sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà P phải chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0025534 ngày 03/02/2020. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Đặng Văn L.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 77 do Ủy ban nhân dân phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn L ngày 06 tháng 6 năm 2012, hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Thị Minh N, sinh ngày 30/10/2012 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Đặng Văn L cho đến khi bà P có yêu cầu.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của ông L.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà P tự khai không có. Do đó, Hội đồng không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà P phải chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng

án phí số:AA/2019/0025534 ngày 03/02/2020. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV;
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân phường D, Q.E, TPHCM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng